Trường Đại Học Hùng Vương **Mẫu In D1412**

BẢNG ĐIỂM HỌC KỲ

Học Kỳ 1 - Năm Học 18-19

Lớp K16DLCTHA4 - K16 ĐH Giáo dục Tiểu học A4 LT từ CĐ - ĐH

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	01			02			03			04			05			06			07			ĐTB	ĐTBTL	TgĐiểm	TB4	TB4TL	ĐTBHB	TCHK	TCTL	Phân Loại
					KT	TH	TK	KT	TH	TK	KT	TH	TK	KT	TH	TK	KT	TH	TK	KT	TH	TK	KT	TH	TK									
1	18DCT15046	Nguyễn Văn	Dũng	12/06/96	7.5	7.0	7.2	7.5	7.0	7.2	7.5	9.0	8.6	8.5	8.0	8.2	7.0	8.0	7.7	7.5	7.0	7.2	8.5	9.3	9.1	7.77	7.77	93.20	3.17	3.17	7.77	12	12	Bình thường
2	18DCT15030	Trần Thị Thu	Giang	23/12/96	7.5	8.5	8.2	8.5	7.0	7.5	8.5	7.5	7.8	8.5	8.5	8.5	7.3	7.0	7.1	8.0	7.0	7.3	8.5	9.5	9.2	7.97	7.97	95.60	3.33	3.33	7.97	12	12	Bình thường
3	18DCT15031	Nguyễn Thị	Hoa	14/12/92	8.5	8.5	8.5	7.5	7.0	7.2	8.0	8.0	8.0	8.5	8.5	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.3	8.5	9.3	9.1	8.10	8.10	97.20	3.50	3.50	8.10	12	12	Bình thường
4	18DCT15032	Vũ Thị Kim	Hoa	27/08/92	9.0	7.5	8.0	7.5	7.0	7.2	6.0	6.5	6.4	8.0	7.0	7.3	7.7	7.5	7.6	7.5	7.5	7.5	8.0	9.0	8.7	7.72	7.72	92.60	3.17	3.17	7.72	12	12	Bình thường
5	18DCT15033	Đào Thị Thanh	Hòa	01/07/97	9.0	8.5	8.7	8.5	7.5	7.8	8.0	6.5	7.0	8.5	8.5	8.5	8.3	8.0	8.1	8.0	7.5	7.7	8.5	9.3	9.1	8.32	8.32	99.80	3.50	3.50	8.32	12	12	Bình thường
6	18DCT15035	Lê Thị Hương	Huyền	01/04/78	7.5	8.0	7.9	7.0	7.5	7.4	5.5	6.5	6.2	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	7.7	8.0	7.0	7.3	8.0	8.8	8.6	7.82	7.82	93.80	3.17	3.17	7.82	12	12	Bình thường
7	18DCT15036	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	19/09/97	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.4	8.0	7.0	7.3	7.7	8.0	7.9	8.0	8.5	8.4	8.0	10.0	9.4	8.00	8.00	96.00	3.17	3.17	8.00	12	12	Bình thường
8	18DCT15037	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	04/10/97	9.0	8.5	8.7	7.5	7.5	7.5	8.5	7.0	7.5	8.0	7.0	7.3	7.7	8.0	7.9	8.5	8.0	8.2	8.0	9.5	9.1	8.12	8.12	97.40	3.33	3.33	8.12	12	12	Bình thường
9	18DCT15038	Phùng Thị Thu	Hương	26/05/94	7.0	7.0	7.0	7.0	6.5	6.7	6.0	6.0	6.0	8.0	8.5	8.4	7.7	8.5	8.3	8.0	7.0	7.3	8.5	9.3	9.1	7.80	7.80	93.60	3.00	3.00	7.80	12	12	Bình thường
10	18DCT15039	Lê Trung	Kiên	11/10/97	8.0	6.0	6.6	7.5	6.5	6.8	10.0	10.0	10.0	8.5	8.0	8.2	7.7	7.5	7.6	8.5	6.0	6.8	7.5	9.3	8.8	7.47	7.47	89.60	2.67	2.67	7.47	12	12	Bình thường
11	18DCT15040	Phạm Thị Quỳnh	Mai	08/12/92	7.5		2.3	7.5	4.5	5.4	5.5	6.0	5.9	8.0		2.4	8.0	8.0	8.0	7.5	6.0	6.5	7.0		2.1	4.45	4.45	53.40	1.00	1.00		6	6	Bình thường
12	18DCT15041	Nguyễn Thị Lê	Phương	19/02/97	7.0	7.5	7.4	7.5	6.5	6.8	6.5	6.0	6.2	8.0	7.5	7.7	7.7	8.5	8.3	7.5	7.0	7.2	9.0	9.5	9.4	7.80	7.80	93.60	3.00	3.00	7.80	12	12	Bình thường
13	18DCT15042	Phạm Thị Thu	Phương	13/07/97	8.5	7.5	7.8	7.0	6.0	6.3	6.0	6.5	6.4	8.0	7.5	7.7	7.7	8.0	7.9	8.0	7.5	7.7	8.0	8.8	8.6	7.67	7.67	92.00	3.00	3.00	7.67	12	12	Bình thường
14	18DCT15043	Nhâm Thị Thu	Trang	12/11/97	9.0	7.0	7.6	8.5	7.0	7.5	6.5	7.5	7.2	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.2	8.5	9.8	9.4	8.12	8.12	97.40	3.17	3.17	8.12	12	12	Bình thường
15	18DCT15044	Nguyễn Thị Hồng	Vân	07/09/97	7.5	7.5	7.5	7.0	5.5	6.0	7.0	7.5	7.4	8.5	7.5	7.8	7.7	8.5	8.3	8.0	7.0	7.3	7.0	9.3	8.6	7.58	7.58	91.00	3.00	3.00	7.58	12	12	Bình thường
16	18DCT15045	Lê Thị Hoàng	Yến	05/09/97	9.0	8.5	8.7	8.0	5.0	5.9	8.0	7.0	7.3	8.0	8.5	8.4	7.7	8.5	8.3	8.0	8.0	8.0	8.5	10.0	9.6	8.15	8.15	97.80	3.17	3.17	8.15	12	12	Bình thường

1.TAC202 -Cơ sở văn hóa Việt Nam (2)
2.PRM205 -Số học (2)
3.PHE102 -Giáo dục thể chất 2 (0)
4.LLP210 -Văn học thiếu nhi (2)
5.LLP203 -Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành GDTH (2)
6.LLP202 -Ngôn ngữ học đại cương (2)
7.BIO201 -Môi trường và con người (2)

NGƯỜI LẬP BIỂU **NGƯỜI ĐỌC** **NGƯỜI SOÁT**